

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA  
VĂN PHÒNG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

---



**KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN  
HỌC KỲ PRE-UNIVERSITY NĂM 2022**

*Tp.HCM, tháng 12 năm 2022*

# MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN

- Thu thập ý kiến sinh viên khóa 2022 về chất lượng giảng dạy các môn học ở học kỳ Pre -University. Gồm 03 môn học: Kỹ năng mềm, Kỹ năng xã hội và Tiếng Anh.
- Phân tích mức độ hài lòng chung về chất lượng giảng dạy.
- Đối tượng khảo sát: Tất cả sinh viên đang học HK Pre-U năm 2022.
- Thời gian thu thập dữ liệu: Từ 12/12/2022 đến 30/12/2022, thông qua việc gửi bảng câu hỏi khảo sát online trên hệ thống Portal.

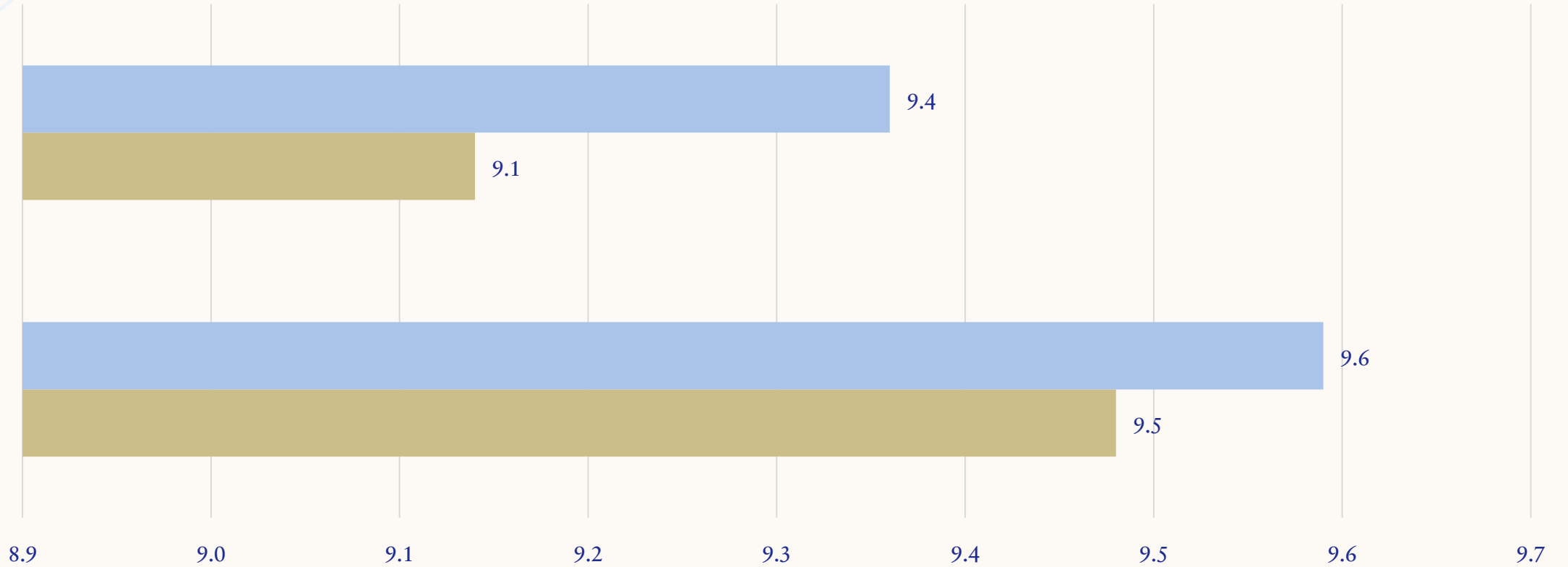
# PHÂN BỐ MẪU KHẢO SÁT THEO MÔN HỌC

	Kỹ năng mềm	Kỹ năng xã hội	Tiếng Anh
SL Khảo sát	1014	1009	304
SL Trả lời	548	478	99
%	54.04%	47.37%	32.57%

# KẾT QUẢ KHẢO SÁT MÔN TIẾNG ANH

Tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng ( 1 - Không hài lòng -----> 10 - Rất hài lòng)	TB tất cả GV năm 2021	TB tất cả GV năm 2022	2022 so với 2021
Trang phục của giảng viên	9.71	9.81	0.09
Giờ giấc của giảng viên (giờ lên lớp, giải lao, tan lớp)	9.64	9.76	0.11
Sự nghiêm túc trong quá trình giảng dạy	9.70	9.73	0.03
Sự nhiệt tình trong quá trình giảng dạy	9.65	9.65	0.00
Khả năng truyền cảm hứng	9.41	9.41	0.01
Khả năng tạo không khí trao đổi trong lớp	9.48	9.39	(0.09)
Sự hỗ trợ, giải đáp thắc mắc của Giảng viên	-	9.55	-
Giảng viên sử dụng hiệu quả các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ giảng dạy	-	9.69	-
Giảng viên cung cấp đầy đủ tài liệu (bài giảng, tài liệu tham khảo)	-	9.66	-
Sự hợp lý và chính xác của nội dung giảng dạy	-	9.64	-
Sự hợp lý trong phân bổ thời lượng học	9.56	9.63	0.07
Sự phân bổ bài tập thực hành trên lớp	9.59	9.66	0.07
Sự phân bổ bài tập về nhà	9.54	9.68	0.14
Mức độ hài lòng chung về giảng viên	9.48	9.59	0.11
<b>Mức độ hài lòng chung về môn học</b>	<b>9.14</b>	<b>9.36</b>	<b>0.22</b>

# MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CHUNG MÔN TIẾNG ANH NĂM 2022



	Giảng viên	Môn học
■ Năm 2022	9.6	9.4
■ Năm 2021	9.5	9.1

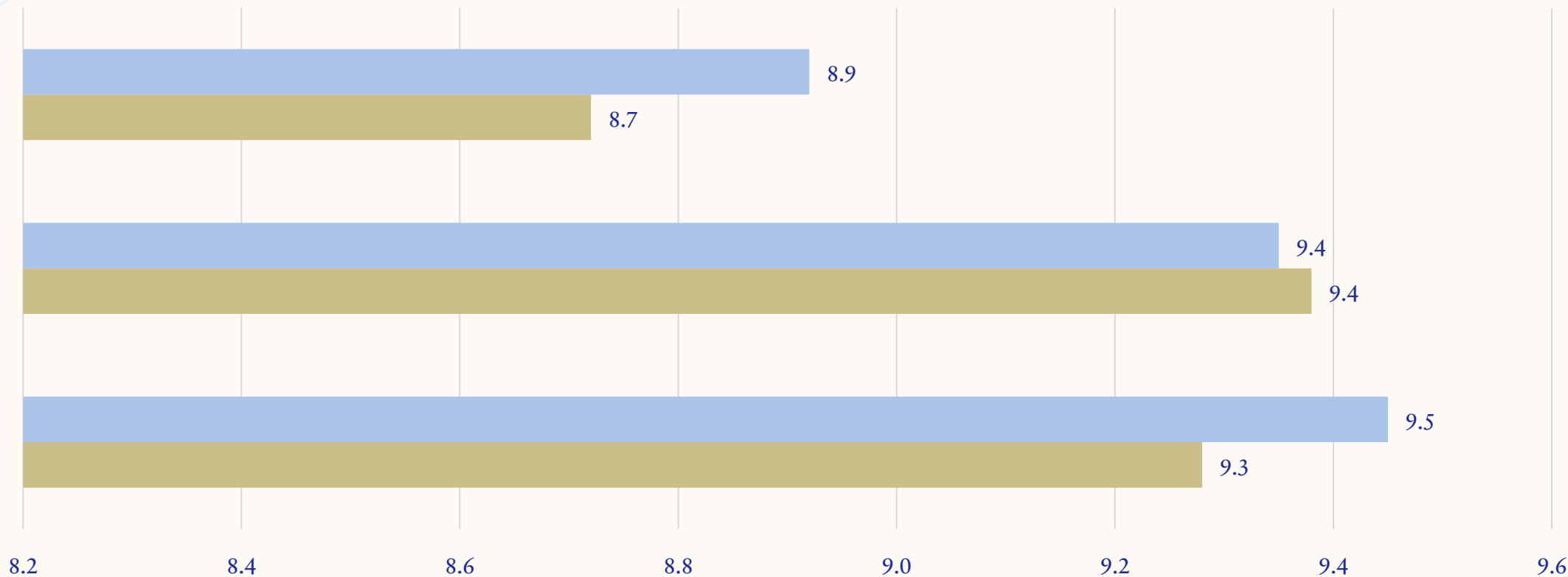
# KẾT QUẢ KHẢO SÁT MÔN KỸ NĂNG MỀM – GIẢNG VIÊN

Tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng ( 1 - Không hài lòng -----> 10 - Rất hài lòng)	TB tất cả GV năm 2021	TB tất cả GV năm 2022	2022 so với 2021
Trang phục của giảng viên	9.60	9.63	0.03
Giờ giấc của giảng viên (giờ lên lớp, giải lao, tan lớp)	9.32	9.53	0.21
Sự nghiêm túc trong quá trình giảng dạy	9.60	9.67	0.07
Sự nhiệt tình trong quá trình giảng dạy	9.60	9.64	0.04
Khả năng truyền cảm hứng	9.14	9.41	0.27
Khả năng tạo ra không khí trao đổi trong lớp học	9.17	9.37	0.20
Khả năng liên kết nội dung vào ứng dụng thực tế	9.16	9.38	0.22
Sự hỗ trợ, giải đáp thắc mắc của Giảng viên	N/A	9.49	N/A
GV sử dụng hiệu quả các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ giảng dạy	N/A	9.50	N/A
Giảng viên cung cấp đầy đủ tài liệu (bài giảng, tài liệu tham khảo) trên hệ thống BKeL	N/A	9.58	N/A
Mức độ hỗ trợ của môn học đối với việc rèn luyện kỹ năng cho VIỆC HỌC TẬP	9.20	9.09	(0.11)
Mức độ hỗ trợ của môn học đối với việc rèn luyện kỹ năng cho CUỘC SỐNG	9.24	9.05	(0.19)
Sự hợp lý trong phân bổ thời lượng học	9.08	9.12	0.04
Sự phân bổ bài tập thực hành trên lớp	9.16	9.22	0.06
Sự phân bổ bài tập về nhà	9.11	9.20	0.09
Sự đúng hạn của giảng viên trong việc phản hồi các bài tập nhóm/cá nhân	9.54	9.53	(0.01)
Khả năng phản hồi góp ý cho các bài tập/trình bày của sinh viên	9.36	9.49	0.13
Tiếng Anh được sử dụng là ngôn ngữ chính trong quá trình giảng dạy môn học (chỉ dành cho các lớp học bằng tiếng Anh)	9.29	9.44	0.15
Giảng viên truyền đạt nội dung bài giảng bằng Tiếng Anh một cách dễ hiểu (chỉ dành cho các lớp học bằng tiếng Anh)	9.07	9.44	0.37
Giảng viên sử dụng vốn từ vựng tiếng Anh đa dạng, phong phú trong quá trình giảng dạy (chỉ dành cho các lớp học bằng tiếng Anh)	8.80	9.28	0.48
<b>Mức độ hài lòng chung về giảng viên</b>	<b>9.28</b>	<b>9.45</b>	<b>0.17</b>
<b>Mức độ hài lòng chung về môn học kỹ năng mềm</b>	<b>8.72</b>	<b>8.92</b>	<b>0.20</b>

# KẾT QUẢ KHẢO SÁT MÔN KỸ NĂNG MỀM – CÁN BỘ HỖ TRỢ

Tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng ( 1 - Không hài lòng -----> 10 - Rất hài lòng)	TB tất cả CBHT năm 2021	TB tất cả CBHT năm 2022	2022 so với 2021
Trang phục của cán bộ hỗ trợ	9.50	9.57	0.07
Sự hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến lớp học	9.46	9.40	(0.06)
Sự hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến OISP	9.39	9.37	(0.02)
Khả năng góp ý cho các bài tập nhóm	9.35	9.26	(0.09)
Mức độ hài lòng chung về cán bộ hỗ trợ	9.38	9.35	(0.03)

# MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CHUNG MÔN KỸ NĂNG MỀM NĂM 2022



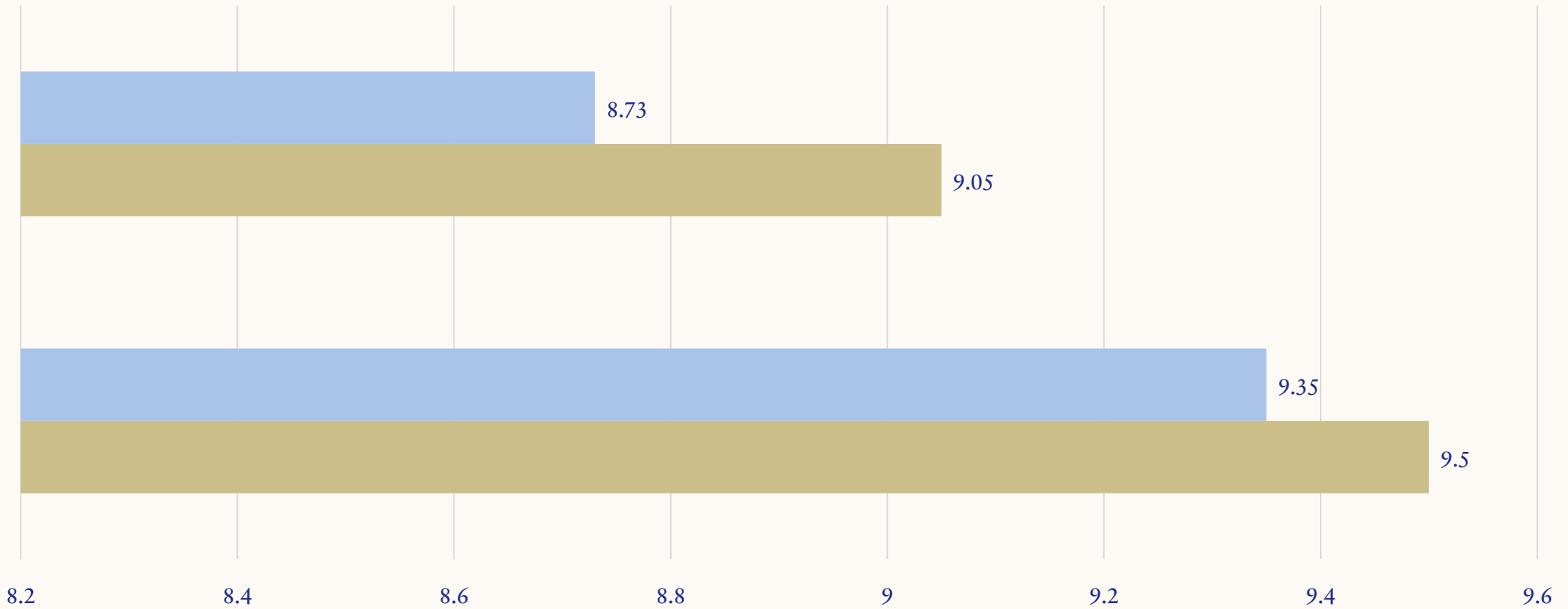
	Giảng viên	Cán bộ hỗ trợ	Môn học
■ Năm 2022	9.5	9.4	8.9
■ Năm 2021	9.3	9.4	8.7



# KẾT QUẢ KHẢO SÁT MÔN KỸ NĂNG XÃ HỘI

Tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng ( 1 - Không hài lòng -----> 10 - Rất hài lòng)	TB tất cả GV năm 2021	TB tất cả GV năm 2022	2022 so với 2021
Trang phục của giảng viên	9.61	9.55	(0.06)
Giờ giấc của giảng viên (giờ lên lớp, giải lao, tan lớp)	9.59	9.59	0.00
Sự nghiêm túc trong quá trình giảng dạy	9.69	9.67	(0.02)
Sự nhiệt tình trong quá trình giảng dạy	9.70	9.59	(0.11)
Sự hỗ trợ, giải đáp thắc mắc của Giảng viên	N/A	9.49	N/A
Giảng viên sử dụng hiệu quả các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ giảng dạy	N/A	9.42	N/A
Giảng viên cung cấp đầy đủ tài liệu (bài giảng, tài liệu tham khảo) trên hệ thống BKeL	N/A	9.48	N/A
Sự hợp lý trong phân bổ thời lượng học	9.47	9.48	0.01
Sự phân bổ bài tập thực hành trên lớp	9.41	9.34	(0.07)
Sự phân bổ bài tập về nhà	9.36	9.30	(0.06)
Sự đúng hạn của giảng viên trong việc phản hồi các bài tập nhóm/ cá nhân	N/A	9.49	N/A
Khả năng truyền cảm hứng	9.37	9.18	(0.19)
Khả năng tạo ra không khí trao đổi trong lớp học	9.34	9.11	(0.23)
Khả năng liên kết nội dung vào ứng dụng thực tế	9.46	9.21	(0.25)
Khả năng thực hành những kỹ năng vừa dạy	9.44	9.21	(0.23)
Mức độ hài lòng chung về giảng viên	9.50	9.35	(0.15)
<b>Mức độ hài lòng chung về môn học</b>	<b>9.05</b>	<b>8.73</b>	<b>(0.32)</b>

# MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CHUNG MÔN KỸ NĂNG XÃ HỘI NĂM 2022



	Giảng viên	Môn học
■ Năm 2022	9.35	8.73
■ Năm 2021	9.5	9.05